ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 86 /QĐ-UBND	*Yên Bái, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 30/2021 ngày 26/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi,bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Yên Bái đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3246/TTr-SXD ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

a) Điều chỉnh tên, quy mô diện tích dự án trong Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo)

b) Bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, bao gồm 33 dự án.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo)

2. Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024, bao gồm 54 dự án.

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo)

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo như nội dung đã phê duyệt tại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Trần Huy Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định 86 /QĐ-UBND ngày 18 /01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Danh mục quỹ đất đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 và QĐ số 2364/QĐ-UBND ngày 29/11/2022.				Danh mục quỹ đất đề nghị điều chỉnh				Ghi chú
	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)	
I	**Thành phố Yên Bái**						**18,67**	**7,47**	
1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới kết hợp thương mại dịch vụ	xã Giới Phiên	9,80	4,41	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (phát triển quỹ đất dọc hai bên đường Quốc lộ 32C nối đường Âu Cơ, đoạn từ cầu Ngòi Đong giao ngã tư đường Quốc lộ 37, quốc lộ 32 C nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai)	xã Giới Phiên	13,82	5,47	
2	Dự án xây dựng khu đô thị mới (Ngã ba đường Bảo Lương đi đền Tuần Quán)	Phường Yên Ninh	4,37	1,97	Chỉnh trang đô thị phát triển khu dân cư tổ 12, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Phường Yên Ninh	4,85	2,00	
II	**Thị xã Nghĩa Lộ**						**1,45**	**0,66**	
1	Quỹ đất dân cư (quỹ đất thu hồi đài truyền thanh - truyền hình thị xã Nghĩa Lộ)	Phường Trung Tâm	0,10	0,05	Quỹ đất dân cư (quỹ đất thu hồi đài truyền thanh - truyền hình thị xã Nghĩa Lộ)	Phường Trung Tâm	0,10	0,05	Đưa ra khỏi kế hoạch giai đoạn 2021-2025
2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu vực thôn 7)	Xã Nghĩa Lộ	1,35	0,61	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu vực thôn 7)	Xã Nghĩa Lộ	1,35	0,61	
III	**Huyện Mù Cang Chải**						**147,60**	**21,24**	
1	Dự án xây dựng khu đô thị mới (khu vực tổ 4)	Thị trấn Mù Cang Chải	8,60	3,87	Dự án xây dựng khu đô thị mới (thị trấn Mù Cang Chải, giáp cầu La Pu Khơ), thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải	Tổ 4 thị trấn Mù Cang Chải	11,5	5,03	
2	Dự án xây dựng khu đô thị mới (khu vực tổ 5)	Thị trấn Mù Cang Chải	11,0	4,95	Dự án xây dựng khu đô thị mới (thị trấn Mù Cang Chải, Khu chợ tạm cầu La Pu Khơ), thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải	Tổ 5 thị trấn Mù Cang Chải	6,1	1,52	
3	Khu đô thị - du lịch nghỉ dưỡng Mù Cang Chải Legend	Xã Nậm Khắt	130	3,97	Khu đô thị - du lịch nghỉ dưỡng Mù Cang Chải Legend	Xã Nậm Khắt	130	14,69	
	Tổng cộng:		**165,22**	**19,83**			**164,82**	**28,05**	

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định 86 /QĐ-UBND ngày 18 /01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)
	Tổng cộng		**109,05**	**41,66**
I	**Thành phố Yên Bái**		**32,00**	**8,54**
1	Chỉnh trang đô thị khu dân cư tổ 8, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Tổ 8, phường Yên Ninh	17,10	2,69
2	Dự án xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Tổ 2, phường Yên Ninh	13,78	5,34
3	Dự án chỉnh trang khu dân cư tổ 11, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Tổ 11, phường Yên Ninh	1,12	0,51
II	**Thị xã Nghĩa Lộ**		**5,90**	**2,28**
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Ả Hạ, xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ (giáp trung tâm văn hóa xã Nghĩa Phúc).	Xã Nghĩa Phúc	1,2	0,65
2	Xây dựng khu đô thị mới và bố trí tái định cư tại tổ dân phố số 3, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ	Phường Pú Trạng	4,7	1,63
III	**Huyện Trấn Yên**			
IV	**Huyện Văn Yên**		**12,05**	**3,83**
1	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn Đại An (xây dựng kinh doanh thương mại dịch vụ và nhà ở, khu vực cạnh trạm thu phí IC14 đường Nội Bài - Lào Cai, huyện Văn Yên).	Thôn Đại An, xã An Thịnh, huyện Văn Yên	12,05	3,829
V	**Huyện Yên Bình**		**10,00**	**2,00**
1	Dự án xây dựng nhà ở khu đô thị mới giáp đường Công ty cổ phần xi măng Yên Bình, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	5,00	1,00
2	Dự án xây dựng nhà ở khu đô thị mới giáp đường Hoàng Thi, thị trấn Yên Bình	Xã Thịnh Hưng	5,00	1,00
VI	**Huyện Lục Yên**		**16,64**	**7,57**
1	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Tông Pình Cại xã Lâm Thượng	Xã Khánh Thiện	0,7	0,5
2	Chỉnh trang khu dân cư thôn cây thị xã Liễu Đô (khu 2)	Xã Liễu Đô	0,98	0,57
3	Chỉnh trang khu dân cư thôn cây thị xã Liễu Đô (khu 3)	Xã Liễu Đô	0,33	0,225
4	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn 7, xã Mường Lai (khu đất trụ sở UBND xã Mường Lai cũ), huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Xã Mường Lai	0,102	0,096
5	Chỉnh trang đô thị quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu C), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Thị trấn Yên Thế	4,128	2,101
6	Chỉnh trang đô thị, quỹ đấttại tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Thị trấn Yên Thế	2,452	1,19

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)
7	Chỉnh trang đô thị, quỹ đấttại tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Thị trấn Yên Thế	1,85	0,75
8	Chỉnh trang đô thị thôn Cốc Há	Thị trấn Yên Thế	0,3	0,2
9	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn, thôn 1, xã Tân Lĩnh	Xã Tân Lĩnh	0,6	0,34
10	Chỉnh trang đô thị, thị trấn Yên Thế	Thị trấn Yên Thế	4,5	1,3
11	Chỉnh trang đô thị (tổ dân phố 1)	Thị trấn Yên Thế	0,7	0,3
VII	**Huyện Văn Chấn**		**12,50**	**10,03**
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Trung Tâm (khu số 1)	Xã Bình Thuận	0,73	0,40
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Trung Tâm (khu số 2)	Xã Bình Thuận	1,10	0,90
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Phào (khu số 1)	xã Nghĩa Tâm	1,83	1,53
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn An Hợp (khu số 1)	Xã Minh An	1,12	1,00
5	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn An Hợp (khu số 2)	Xã Minh An	2,70	2,00
6	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ba Khe	Xã Cát Thịnh	0,93	0,80
7	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 1)	Xã Đồng Khê	1,00	0,80
8	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 2)	Xã Đồng Khê	1,12	0,90
9	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Bản Mới (khu số 1)	Xã Suối Giàng	0,80	0,70
10	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Bản Mới (khu số 2)	Xã Suối Giàng	1,17	1,00
VIII	**Huyện Mù Cang Chải**			
IX	**Huyện Trạm Tấu**		**19,96**	**7,41**
1	Quỹ đất Nhà tắm nước nóng	Thị trấn Trạm Tấu	0,02	0,02
2	Chỉnh trang đô thị (Quỹ đất Trụ sở Trung tâm GDNN-GDTX và điểm trường Nậm Dạ)	Thị trấn Trạm Tấu	0,58	0,58
3	Dự án chỉnh trang đô thị (quỹ đất giáp đường 05/10)	Thị trấn Trạm Tấu	0,36	0,16
4	Dự án xây dựng Khu nông thôn mới tại xã Phình Hồ	Xã Phình Hồ	19	6,65

PHỤ LỤC SỐ 03: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định 86 /QĐ-UBND ngày 18 /01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)
	Tổng cộng		**736,697**	**209,850**
I	**Thành phố Yên Bái**		**280,090**	**85,060**
1	Dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (phát triển quỹ đất dọc hai bên đường Quốc lộ 32C nối đường Âu Cơ, đoạn từ cầu Ngòi Đong giao ngã tư đường Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai).	Xã Giới Phiên	13,820	5,470
2	Chỉnh trang đô thị khu dân cư tổ 8, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Tổ 8, phường Yên Ninh	17,100	2,690
3	Dự án xây dựng khu đô thị mới (quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lẫm đi cầu Tuần Quán)	Phường Yên Ninh	10,000	4,500
4	Dự án xây dựng khu đô thị mới (Quỹ đất khu vực sau tòa án tỉnh mới)	Phường Đồng Tâm và phường Yên Thịnh	4,500	1,630
5	Dự án Khu đô thị mới xã Giới Phiên	Xã Giới Phiên	67,63	21,50
6	Dự án xây dựng Khu đô thị mới (Quỹ đất trên trục đường Nguyễn Tất Thành, giáp trường Trung cấp Kinh tế cũ)	Phường Yên Thịnh	15,500	6,980
7	Dự án xây dựng Khu đô thị mới phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	Phường Hợp Minh	25,00	10,20
8	Dự án xây dựng khu dân cư tổ dân phố số 2, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Tổ 2, phường Yên Ninh	13,78	5,34
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư tổ 11, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Tổ 11, phường Yên Ninh	1,12	0,51
10	Dự án xây dựng khu đô thị mới tại phường Yên Ninh (Khu vực cầu Bảo Lương)	Phường Yên Ninh	4,20	1,89
11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (quỹ đất dọc kè sông Hồng, khu vực giáp Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Yên Bái)	Xã Giới Phiên	6,0	2,70
12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu vực Trụ sở xã Giới Phiên cũ)	Xã Giới Phiên	5,10	2,30
13	Dự án xây dựng khu đô thị mới Đồng Tâm - Tân Thịnh (Quỹ đất trên trục đường Âu Cơ, đường cầu Tuần Quán (điều chỉnh, chuyển tiếp năm 2023)	Phường Đồng Tâm, xã Tân Thịnh	96,34	19,35

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)
II	**Thị xã Nghĩa Lộ**		**77,96**	**20,37**
1	Quỹ đất thu hồi nhà thi đấu Thị xã Nghĩa Lộ	Phường Tân An	1,03	0,46
2	Dự án xây dựng khu đô thị mới	Xã Nghĩa Lợi và phường Trung Tâm	7,40	3,33
3	Chỉnh trang đô thị khu Căng Nà, phường Trung Tâm	Phường Trung Tâm	7,84	2,25
4	Chỉnh trang đô thị Khu dân cư số 2 (khu vực khách sạn Mường Lò)	Phường Tân An	2,08	0,92
5	Xây dựng khu dân cư đô thị - Khu tổ 1 phường Trung Tâm (sau trường Tô Hiệu)	Phường Trung Tâm	1,05	0,75
6	Quỹ đất sau trường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)	Phường Trung Tâm	0,43	0,31
7	Khu đô thị mới trung tâm phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ	Phường Tân An	49,06	8,11
8	Xây dựng khu dân cư Bản Lè- Phán Thượng (Đối diện tôn Hoa Sen, đường tránh Quốc Lộ 32), phường Trung Tâm, xã Nghĩa Lợi, thị xã Nghĩa Lộ (giai đoạn 1+2)	Xã Nghĩa Lợi, Phường Trung Tâm	3,17	1,96
9	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Ả Hạ, xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ (giáp trung tâm văn hóa xã Nghĩa Phúc).	Xã Nghĩa Phúc	1,2	0,65
10	Xây dựng khu đô thị mới và bố trí tái định cư tại tổ dân phố số 3, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ	Phường Pú Trạng	4,7	1,63
III	**Huyện Trấn Yên**		**29,46**	**10,32**
1	Dự án Xây dựng khu đô thị tại đường Âu Cơ, huyện Trấn Yên	Xã Minh Quân, xã Bảo Hưng	29,46	10,32
IV	**Huyện Văn Yên**		**45,65**	**13,10**
1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu 1 và khu 2) khu vực cầu vượt An Bình, xã An Bình, huyện Văn Yên.	Xã An Bình	6,60	2,97
2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu vực nút giao IC14) xã An Thịnh, huyện Văn Yên	Xã An Thịnh	27,00	6,30
3	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn Đại An (xây dựng kinh doanh thương mại dịch vụ và nhà ở, khu vực cạnh trạm thu phí IC14 đường Nội Bài - Lào Cai, huyện Văn Yên).	thôn Đại An, xã An Thịnh, huyện Văn Yên	12,05	3,829
V	**Huyện Yên Bình**		**104,60**	**34,50**
1	Khu đô thị mới, khu đô thị sinh thái Thịnh Hưng 1, huyện Yên Bình	Xã Thịnh Hưng	48,70	16,20
2	Khu đô thị mới, Khu đô thị sinh thái Thịnh Hưng 2, huyện Yên Bình	Xã Thịnh Hưng	45,90	16,30

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)
3	Dự án xây dựng nhà ở khu đô thị mới giáp đường Công ty cổ phần xi măng Yên Bình, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình	thị trấn Yên Bình	5,00	1,00
4	Dự án xây dựng nhà ở khu đô thị mới giáp đường Hoàng Thi, thị trấn Yên Bình	xã Thịnh Hưng	5,00	1,00
VI	**Huyện Lục Yên**		**13,93**	**5,84**
1	Chỉnh trang đô thị quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu C), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Thị trấn Yên Thế	4,128	2,101
2	Chỉnh trang đô thị, quỹ đấttại tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Thị trấn Yên Thế	2,452	1,19
3	Chỉnh trang đô thị, quỹ đấttại tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Thị trấn Yên Thế	1,85	0,75
4	Chỉnh trang đô thị thôn Cốc Há	Thị trấn Yên Thế	0,3	0,2
5	Chỉnh trang đô thị, thị trấn Yên Thế	Thị trấn Yên Thế	4,5	1,3
6	Chỉnh trang đô thị (tổ dân phố 1)	Thị trấn Yên Thế	0,7	0,3
VIII	**Huyện Văn Chấn**		**12,50**	**10,03**
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Trung Tâm (khu số 1)	Xã Bình Thuận	0,73	0,40
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Trung Tâm (khu số 2)	Xã Bình Thuận	1,10	0,90
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Phào (khu số 1)	xã Nghĩa Tâm	1,83	1,53
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn An Hợp (khu số 1)	Xã Minh An	1,12	1,00
5	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn An Hợp (khu số 2)	Xã Minh An	2,70	2,00
6	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ba Khe	Xã Cát Thịnh	0,93	0,80
7	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 1)	Xã Đồng Khê	1,00	0,80
8	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 2)	Xã Đồng Khê	1,12	0,90
9	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Bản Mới (khu số 1)	Xã Suối Giàng	0,80	0,70
10	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Bản Mới (khu số 2)	Xã Suối Giàng	1,17	1,00
VIII	**Huyện Mù Cang Chải**		**152,55**	**23,22**
1	Dự án xây dựng khu đô thị mới (thị trấn Mù Cang Chải, giáp cầu La Pu Khơ), thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.	Thị trấn Mù Cang Chải	11,50	5,03
2	Dự án xây dựng khu đô thị mới (thị trấn Mù Cang Chải, Khu chợ tạm cầu La Pu Khơ), thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.	Thị trấn Mù Cang Chải	6,10	1,52

STT	Tên dự án	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (ha)	Tổng diện tích đất ở (ha)
3	Dự án xây dựng chợ và khu dân cư nông thôn mới (Khu vực Ngã 3 Kim, xã Púng Luông) tại xã Púng Luông và xã La Pán Tẩn, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.	Xã Púng Luông và xã La Pán Tẩn	4,95	1,98
4	Khu đô thị - du lịch nghỉ dưỡng xã Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	130,00	14,69
IX	**Huyện Trạm Tấu**		**19,96**	**7,41**
1	Quỹ đất Nhà tắm nước nóng	Thị trấn Trạm Tấu	0,02	0,02
2	Chỉnh trang đô thị (Quỹ đất Trụ sở Trung tâm GDNN-GDTX và điểm trường Nậm Dạ)	Thị trấn Trạm Tấu	0,58	0,58
3	Dự án chỉnh trang đô thị (quỹ đất giáp đường 05/10)	Thị trấn Trạm Tấu	0,36	0,16
4	Dự án xây dựng Khu nông thôn mới tại xã Phình Hồ	Xã Phình Hồ	19	6,65